TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU PHÚ** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04/3/2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Khắc Chung

Ông Mai Minh Chánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 611/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 13/01/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện B, tỉnh An Giang (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Hùng T, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào năm 2003 bà với ông Nguyễn Hùng T có quen biết và tổ chức lễ cưới. Vợ chồng chung sống được 02 con chung tên Nguyễn Thị Hậu sinh ngày 19/01/2004 và Nguyễn Tuấn Thanh sinh ngày 12/12/2006. Đến năm 2010 bà với ông T đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Bình Chánh. Thời gian đầu vợ chồng sống T phúc. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng bà thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, nguyên nhân do ông T có nhiều thói hư, tật xấu, thường xuyên uống rượu, không lo cho gia đình, thường xuyên đánh bà. Tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Sau ly hôn, bà yêu cầu được nuôi 02 con chung hiện nay đang do bà đang nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung thì không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hùng T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không

cung cấp ý kiến.

- *Tại phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Nguyễn Hùng T đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về nội dung:

Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, đến năm 2010 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống T phúc nhưng đến năm 2019, bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống, ông T không chăm lo gia đình, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Vậy, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Bà H và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hậu sinh ngày 19/01/2004 và Nguyễn Tuấn Thanh sinh ngày 12/12/2006, hiện đang do bà H nuôi dưỡng. Hai cháu Hậu và Thanh có nguyện vọng muốn được ở với mẹ và để ổn định cuộc sống của các cháu nên đề nghị giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hùng T cư trú tại ấp B, xã T, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và bà H yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Hùng T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung vụ án

Bà Nguyễn Thị H trình bày bà với ông Nguyễn Hùng T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 đến năm 2010 đăng ký kết hôn. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 06/KH ngày 19/01/2010 Ủy ban nhân dân xã Bình Chánh chứng nhận kết hôn giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Hùng T. Vậy, Bà H với ông T xác lập quan hệ vợ chồng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà H với ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hậu sinh ngày 19/01/2004 và Nguyễn Tuấn Thanh sinh ngày 12/12/2006

[3] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia

sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Trong quá trình chung sống bà H và ông T đã phát sinh mâu thuẫn nên không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, ông T không chăm lo gia đình và con, cuộc sống không T phúc, đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Bà H kiên quyết yêu cầu được ly hôn, trình bày tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Như vậy giữa bà H và ông T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã thông báo hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt nên không thành. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

[4] Bà H yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hậu sinh ngày 19/01/2004 và Nguyễn Tuấn Thanh sinh ngày 12/12/2006 hiện đang do bà H nuôi. Quá trình giải quyết vụ án, ông T không có ý kiến tranh chấp về nuôi con. Hai con chung có nguyện vọng được sống cùng với bà H. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi. Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Bà H không yêu cầu giải quyết về nợ chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Do Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H với ông Nguyễn Hùng T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 06/KH ngày 19/01/2010 Ủy ban nhân dân xã B, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hùng T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Hậu sinh ngày 19/01/2004 và Nguyễn Tuấn Thanh sinh ngày 12/12/2006 (hiện đang do bà H nuôi) cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi.

Ông Nguyễn Hùng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Hùng T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Hùng T.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0003849 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị H không phải nộp thêm.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của bà Nguyễn Thị H là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của ông Nguyễn Hùng T là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP; hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Điệp